

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA HÀN QUỐC

ĐỀ THI, ĐÁP ÁN/RUBRIC VÀ THANG ĐIỂM
THI KẾT THÚC HỌC KỲ
Học kỳ 2, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	NÓI - VIẾT 2A		
Mã học phần:	71KLAN30092	Số tín chỉ:	2
Mã nhóm lớp học phần:	71KLAN30092_01, 02, 03		
Hình thức thi: Tự luận	Thời gian làm bài:	60	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input type="checkbox"/> Có	<input checked="" type="checkbox"/> Không	

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman

- Size: 13

- Quy ước đặt tên file đề thi:

+ Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TUL_De 1

+ Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TUL_De 1_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhất Linh).

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
CLO1	Áp dụng kiến thức từ vựng, ngữ pháp liên quan đến các chủ đề đã học như giao thông, thời tiết, du lịch, nghi lễ, chào hỏi, gia đình, bạn bè... vào việc hiểu, diễn đạt và nói, viết tiếng Hàn ở trình độ sơ cấp.	Tự luận	70%	Phần viết: Câu I đến câu IV Phần nói: Câu I đến Câu III	10	
CLO2	Sử dụng hiệu quả phần mềm soạn thảo tiếng Hàn để giải quyết các tình huống nói – viết cụ thể.	Tự luận	30%	Phần viết Câu I đến Câu IV	5	

Nội dung câu hỏi thi

Phần viết: 5 điểm (45 phút)
(쓰기 영역: 5 점) (45 분)

- I. Hoàn thành câu với từ cho sẵn. Lưu ý không được đổi trật tự của từ cho sẵn (Mỗi câu 0.2 điểm * 5 = 1 điểm) (주어진 단어를 순서대로 문장을 완성하십시오.) (각 0.2 점 * 5 = 1 점)**


주의 : 다음 중 맞는 문법을 골라서 쓰세요. (Gợi ý: Chọn những ngữ pháp cho sẵn để hoàn thành câu)

- 왔/었지만 아/어서
- (으)려고
- (으)러 왔/었어요.
- (으)로
- 기 전에

1. 한국/ 대학교/ 들어가다/ 한국말/ 배우다.
2. 처음/힘들었다/ 이제는/ 친구/ 많아지다/ 즐겁다.
3. 액세서리/ 사다/ 어제/ 동대문 시장/ 가다/.
4. 여기/ 한국 병원/ 버스/ 30 분쯤/ 걸리다.
5. 아침/ 먹다/ 공원/ 운동을 하다.

II. **Nhìn tranh và hoàn thành bài hội thoại. (0.2 điểm * 5 = 1 điểm)** (그림을 보고 대화를 완성하십시오.)

1.



문법 : 아/어서, -지 못하다.

에릭 : 비행기 표를 예매했어요?

존 : _____.

2.

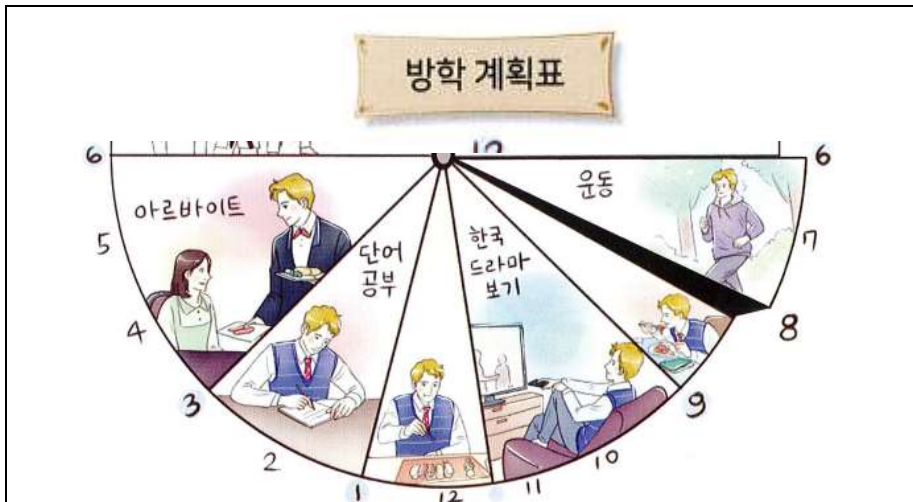


문법 : -고 있다.

가 : 지금 어디에서 무엇을 하고 있어요?

나 : _____.

3.




문법 : -기 전에

가 : 한국 드라마를 보기 전에 무엇을 해요?

나 : _____.

4.




부모님과 놀이공원에 가다
선물을 받다

문법 : (N)도 (D)-고요.

가 : 어린이날에 한국 사람들은 뭘 해요?

나 : _____요. _____.

5.



문법 : (으)려고 하다

가 : 무슨 전공을 할 거예요?

나 : _____.

III. Viết các câu sau sang tiếng Hàn. (Mỗi câu 0.2 điểm * 5 =1 điểm) (주어진 베트남어 문장을 한국어로 번역하십시오.)

1. Chúng ta phải làm thủ tục check-in tại quầy thủ tục lúc 7 giờ sáng.
2. Sau khi kết thúc học kỳ này tôi dự định đi Hàn Quốc với gia đình tôi.
3. Phải đi tuyến xe buýt số 52 và xuống tại trạm dừng xe buýt Seoul. Tại đó phải đổi sang xe buýt số 15.
4. Bố tôi thích vừa ăn cơm vừa xem ti vi.
5. Dường như biển Vũng Tàu đẹp.

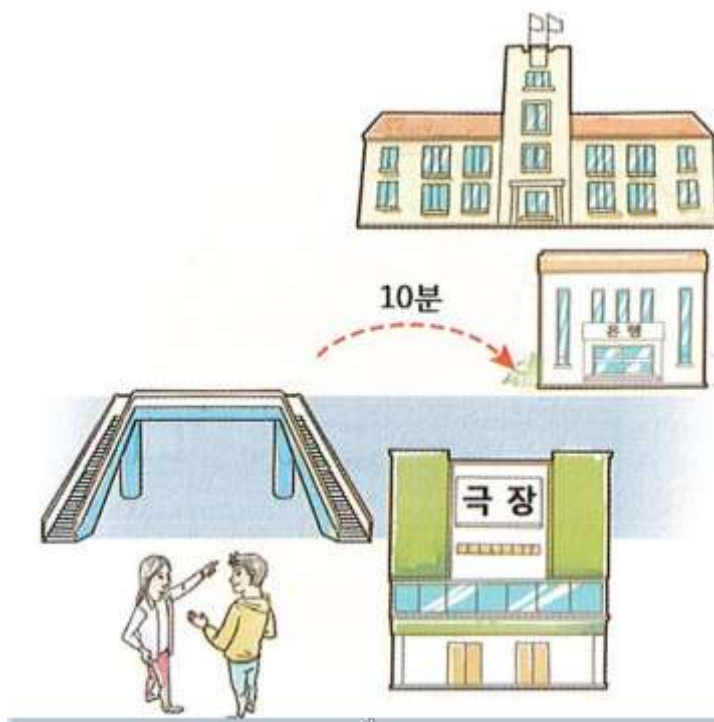
IV. Viết bài về chủ đề kế hoạch nghỉ hè (2 điểm). (“여름 방학 계획”을 주제로 글을 쓰십시오)

Phần nói: 5 điểm (15 phút)

I. Trả lời câu hỏi (Mỗi câu 0.2 điểm * 5 = 1 điểm) (답을 말하십시오.)

1. 설날에 베트남 사람들은 무엇을 해요?
2. 이번 여름 방학에 어디에 가려고 해요?
3. 요즘 호찌민시의 날씨가 어때요?
4. 공항 라운지에서 커피를 마신 적이 있어요?
5. 집에서 반랑대학교까지 오토바이로 가면 얼마나 걸려요?

II. Xem tranh và hướng dẫn cách đi đến ngân hàng. (1 điểm) (그림을 보고 은행에 가는 방법을 안내하십시오.)



(Gợi ý tự vựng) 어휘 : 건너편, 극장, 은행, 육교, 보이다

- III. Nói bài với chủ đề “Lý do và quá trình học tiếng Hàn” (3 điểm)
 (“한국어를 공부하게 된 이유와 과정”에 대해서 말하십시오.)

ĐÁP ÁP VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Tự luận		10.0	
Phần viết		5.0	
Câu I		1.0	
1.	한국 대학교에 들어가려고 한국말을 배워요./ 배웁니다.	0.2	
2.	처음에 힘들었지만 이제는 친구가 많아져서 즐거워요./ 즐겁습니다.	0.2	
3.	액세서리를 사러 어제 동대문 시장에 갔어요./ 갔습니다.	0.2	
4.	여기에서 한국 병원까지 버스로 30 분쯤 걸려요./ 걸립니다.	0.2	
5.	아침을 먹기 전에 운동을 해요.	0.2	
Câu II		1	
1.	표가 없어서 예매하지 못했어요./ 못했습니다.	0.2	
2.	환전소에서 환전을 하고 있어요./ 있습니다	0.2	
3.	한국 드라마를 보기 전에 밥을 먹어요./ 먹습니다	0.2	
4.	부모님과 놀이공원에 가요. 선물도 받고요.	0.2	
5.	한국어 교육학을 전공하려고 해요./ 합니다.	0.2	
Câu III		1	
1.	오전 7 시에 탑승 수속대/ 카운터에서 체크인을 해야 합니다/ 해야 해요.	0.2	
2.	이번 학기가 끝난 후에 가족과 같이 한국에 여행을 가려고 해요./ 합니다.	0.2	
3.	52 번 버스를 타고 서울 버스 정류장에서 내려야 해요. 거기에서 15 번 버스로 갈아타야 해요/ 합니다.	0.2	
4.	우리 아빠는 밥을 먹으면서 텔레비전을 보는 것을 좋아해요./ 우리 아버지께서 진지를 드시면서 텔레비전을 보시는 것을 좋아해요.	0.2	
5.	붕파우는 바다가 아름다운 것 같아요.	0.2	
Câu IV		2.0	
	과제 완성도 (30%) 언어 사용 (30%) 구성력 (20%) 내용 (20%)	2.0	
Phần nói		5.0	
과제 완성도	30%		
언어 사용	30%: 기본 어휘 (10%), 주제에 맞는 어휘 (10%), 확장 어휘		
구성력	(10%): 단순 문장 (10%), 복합 문장, 질문이나 문맥에 적절한 표현 사용 (20%)		
유창성	20%		
발음	10%		

역양	10%		
		Điểm tổng	10.0

Người duyệt đề



TS. Shin A Young

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 4 năm 2024

Giảng viên ra đề



TS. Bùi Thị Mỹ Linh